Ký bởi Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên
TP.Điện Biên - Tỉnh Điện Biên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1061/QĐ-UBND	*Điện Biên, ngày 14 tháng 6 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH

V/v Phê duyệt Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/5.000 Khu vực phía Bắc thành phố Điện Biên Phủ gắn với quy hoạch Cảng hàng không Điện Biên.

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/06/2009;

Căn cứ Luật sửa đổi bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/04/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/06/2016 của Bộ Xây Dựng về việc Quy định hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Thông báo số 163-TB/TU ngày 19/4/2021 của Tỉnh ủy về chủ trương phê duyệt Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/500 Khu vực phía Bắc thành phố Điện Biên Phủ gắn với quy hoạch Cảng hàng không Điện Biên;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 1020/TTr-SXD ngày 07/6/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đồ án Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/5.000 Khu vực phía Bắc thành phố Điện Biên Phủ gắn với quy hoạch Cảng hàng không Điện Biên với nội dung như sau:

1. Phạm vi ranh giới, quy mô, tính chất

1.1. Phạm vi ranh giới:

Khu quy hoạch nằm trên địa bàn các phường Thanh Trường, Thanh Bình, Him Lam, xã Thanh Minh thuộc thành phố Điện Biên Phủ và các xã Thanh Nưa, Thanh Luông, Thanh Hưng huyện Điện Biên được giới hạn như sau:

- Phía Bắc: Giáp đồi núi xã Thanh Nưa.

- Phía Đông: Giáp phân khu trung tâm hiện hữu thành phố Điện Biên Phủ.

- Phía Nam: Giáp khu dân cư xã Thanh Hưng.

- Phía Tây: Giáp đồi xã Thanh Nưa và ruộng lúa xã Thanh Luông.

1.2. Quy mô:

- Diện tích nghiên cứu tổng thể: 1.572,07 ha.

- Quy mô dân số dự báo: 38.000 người.

1.3. Tính chất, chức năng:

Là khu đô thị tổ hợp đa chức năng cửa ngõ phía Bắc của thành phố, có đầu mối giao thông quan trọng về Cảng hàng không và đường bộ; tổ hợp các khu dân cư đô thị mới phát triển theo hướng sinh thái gắn với không gian cảnh quan làng bản hiện hữu; công viên cây xanh và hồ dâng Nậm Rốm; khu dịch vụ thương mại; trung tâm vui chơi giải trí, dịch vụ thể thao, du lịch nghỉ dưỡng cao cấp.

2. Định hướng phát triển không gian

2.1. Phân khu I - Khu đô thị hỗn hợp Cảng hàng không Điện Biên:

- Vị trí: Phía Nam khu vực lập quy hoạch.

- Tính chất: Khu đô thị phụ trợ Cảng hàng không Điện Biên mở rộng.

- Quy mô diện tích: 339,27 ha.

- Quy mô dân số: 9.600 người.

- Các khu chức năng cơ bản: Cảng hàng không Điện Biên; Khu dân cư hiện trạng cải tạo; Khu dân cư đô thị mới; Doanh trại một số đơn vị lực lượng vũ trang; Các khu thương mại dịch vụ; Các công trình công cộng cơ bản của khu dân cư đô thị; Khu di tích lịch sử (đồi Bản Kéo).

- Định hướng phát triển chiến lược: Cảng hàng không mở rộng cần có liên kết mạng lưới hài hòa với hệ thống giao thông công cộng (bến trung chuyển xe buýt, điểm du thuyền sông Nậm Rốm) và hệ thống Logistic. Tạo điều kiện để phát triển đô thị, thương mại dịch vụ dọc theo đường Quốc lộ 12, giáp sân bay và các điểm kết nối ra bờ sông. Cải tạo lại khu vực ven sông bằng các dự án đường giao thông, thủy lợi, công viên, công trình công cộng. Tôn trọng cấu trúc dân cư hiện hữu đã tương đối dày đặc.

2.2. Phân khu II - Khu đô thị trung tâm cửa ngõ phía Bắc:

- Vị trí: Trung tâm khu vực lập quy hoạch.

- Tính chất: Là phân khu đa chức năng hỗn hợp thương mại; dịch vụ; ở; y tế; công cộng; văn hóa.

- Quy mô diện tích: 193,41 ha.

- Quy mô dân số: 11.500 người.

- Các khu chức năng cơ bản: Khu công cộng, văn hóa; Khu thương mại dịch vụ; Khu hỗn hợp đa chức năng; Khu dân cư làng bản hiện trạng cải tạo; Khu dân cư mới; Bến xe, các bãi đỗ xe; Khu công viên cây xanh cảnh quan; Các công trình công cộng cơ bản của khu dân cư đô thị.

- Định hướng phát triển chiến lược: Bảo vệ và cải tạo khu vực công viên, cây xanh, hành lang xanh, kết nối với các khu khác. Tập trung các khu công cộng, thương mại dịch vụ ở hai bên trục đường, nút giao thông và trục cảnh quan chính của khu vực. Tạo các điểm nhấn công cộng tiếp cận trực tiếp với khu vực công viên cây xanh mặt nước.

2.3. Phân khu III - Khu dân cư kết hợp dịch vụ thương mại - du lịch - thể thao:

- Vị trí: Phía Tây Bắc khu vực lập quy hoạch.

- Tính chất: Là khu dân cư, dịch vụ du lịch, thể dục thể thao.

- Quy mô diện tích: 356,41 ha.

- Quy mô dân số: 5.500 người

- Các khu chức năng cơ bản: Khu công cộng, y tế; Khu thương mại dịch vụ; Khu trung tâm thể dục thể thao (khu thể dục thể thao tập trung; khu sân golf; Khu du lịch nghỉ dưỡng; Khu dân cư làng bản hiện trạng cải tạo; Khu dân cư mới; Các tuyến cây xanh cảnh quan; Khu tâm linh (Nghĩa trang Tông Khao); Khu nhà ở xã hội; Khu dự trữ phát triển.

- Định hướng phát triển chiến lược: Bảo vệ và tạo các khu vực công viên, cây xanh, hành lang xanh, kết nối với các khu khác. Tập trung các khu công cộng, thương mại dịch vụ ở hai bên trục đường, nút giao thông và trục cảnh quan chính của khu vực. Tạo các điểm nhấn công cộng tiếp cận trực tiếp với khu vực công viên cây xanh mặt nước.

2.4. Phân khu IV - Khu dân cư làng bản ven suối Nậm Đương:

- Vị trí: Phía Bắc khu vực lập quy hoạch.

- Tính chất: Là khu dân cư mang đậm bản sắc văn hóa làng bản.

- Quy mô diện tích: 262,67 ha.

- Quy mô dân số: 2.200 người.

- Các khu chức năng cơ bản: Khu công cộng, y tế, thương mại dịch vụ và hỗn hợp; Cảnh quan đồi núi và khu vực canh tác nông nghiệp lưu vực suối Nậm Đương; Khu dân cư làng bản hiện trạng cải tạo chỉnh trang kết hợp du lịch; Các

điểm dân cư mới; Khu di tích (đồi Độc Lập); Khu tâm linh (nghĩa trang Độc Lập).

- Định hướng phát triển chiến lược: Kết nối giao thông từ khu vực dự án đường Thanh Minh - Độc Lập nối với Quốc lộ 279 qua sông Nậm Rốm. Bảo vệ vùng cảnh quan đặc thù khu vực núi thấp ven lòng chảo, dọc theo các sông suối lớn, vùng nông nghiệp đô thị. Khoanh vùng phát triển mới tại các điểm nút giao thông, không phát triển dọc tuyến. Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa làng bản để kết hợp tạo nên các sản phẩm dịch vụ du lịch đặc thù.

2.5. Phân khu V - Khu đô thị cảnh quan ven sông Nậm Rốm:

- Vị trí: phía Đông Nam khu vực lập quy hoạch.

- Tính chất: Là khu đô thị du lịch sinh thái đồi núi kết hợp cảnh quan hai bên sông Nậm Rốm.

- Quy mô diện tích: 420,31 ha.

- Quy mô dân số: 9.200 người.

- Các khu chức năng cơ bản: Khu công cộng; Khu dịch vụ thương mại; Khu hỗn hợp đa chức năng; Khu dân cư làng bản hiện trạng cải tạo; Khu dân cư mới; Khu công viên cây xanh cảnh quan ven sông; Khu đồi núi kết hợp dịch vụ du lịch.

- Định hướng phát triển chiến lược: Khai thác và bảo vệ sông Nậm Rốm, phát triển cảnh quan hai bên bờ sông. Định hướng phát triển không gian đô thị hài hòa giữa khu vực phát triển mới và khu bản làng hiện trạng. Tổ chức các tuyến đường và cầu qua sông kết nối với không gian đô thị trung tâm thành phố hiện hữu. Khu vực phát triển mới có chênh lệch cao độ lớn, cần phát triển mạng lưới đường giao thông và công trình xây dựng phù hợp theo địa hình tự nhiên. Khai thác khu vực có cảnh quan đa dạng gồm đồi núi, mặt nước, làng bản hiện trạng để tạo nên các dịch vụ du lịch đa dạng.

3. Quy hoạch sử dụng đất

3.1. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật cơ bản đồ án đạt được:

a) Chỉ tiêu về dân số dự báo: 38.000 người.

b) Chỉ tiêu về sử dụng đất:

- Đất công trình công cộng: 7,4 m^2/người.

- Đất khu ở mới: 104,3 m^2/người.

- Đất giáo dục: 17,9 m^2/học sinh.

- Đất cây xanh đô thị: 9,3 m^2/người.

c) Chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật:

- Tỷ lệ đất giao thông: 16,75 % (tính đến đường khu vực).

- Cấp nước: 180 lít/người/ngày.đêm.

- Cấp điện: nhà ở thấp tầng là 3 KW/nhà; công trình công cộng là 30W/m^2 sàn; chiếu sáng đô thị là 10 W/m^2.

- Thoát nước thải và vệ sinh môi trường: mật độ đường ống thoát nước là 80% chỉ tiêu cấp nước; thu gom rác thải là 1 kg/người/ngày đêm; tỷ lệ thu gom 95%; Thoát nước thải sinh hoạt là 150 lít/người/ngày đêm.

3.2. Quy hoạch sử dụng đất:

Stt	Chức năng đất	Diện tích	Tỷ lệ	Tầng cao tối đa	MĐXD gộp
		(ha)	(%)	(tầng)	(%)
	Tổng diện tích đất nghiên cứu QH	**1.572,07**	**100,00**		
I	**Đất dân dụng**	**711,06**	**45,23**		
1	Đất công cộng	17,76	1,13		
1.1	*Đất văn hóa (TT văn hóa, thư viện,...)*	*2,65*	*0,17*	*5*	*60*
1.2	*Đất công cộng (văn hóa TDTT...)*	*3,11*	*0,20*	*3*	*60*
1.3	*Đất TMDV (chợ, TMDV..)*	*12,00*	*0,76*	*12*	*60*
2	Đất trung tâm y tế	1,68	0,11	5	60
3	Đất trung tâm thể dục thể thao	3,03	0,19	3	40
4	Đất ở	421,78	26,83		
4.1	*Đất nhóm nhà ở mới*	*156,50*	*9,95*	*9*	*60*
4.2	*Đất nhà ở xã hội*	*6,42*	*0,41*	*9*	*60*
4.3	*Đất ở hiện trạng*	*258,86*	*16,47*	*6*	*60*
5	Đất giáo dục	16,33	1,04	5	
5.1	*Đất trường THPT*	*5,79*	*0,37*	*5*	*40*
5.2	*Đất trường THCS, tiểu học*	*10,54*	*0,67*	*5*	*40*
6	Đất sử dụng hỗn hợp (đất ở, thương mại dịch vụ, tổ hợp đa chức năng..)	61,49	3,91	12	60-80
7	Đất cây xanh	100,38	6,39		
7.1	*Đất cây xanh đô thị*	35,45	*2,25*		*5*
7.2	*Đất cây xanh đơn vị ở*	64,94	*4,13*		*5*
8	Đất giao thông đối nội	88,61	5,64		
8.1	*Đất đường giao thông*	*83,88*	*5,34*		
8.2	*Đất giao thông tĩnh (bãi đỗ xe)*	*4,73*	*0,30*		
II	**Đất ngoài dân dụng**	**462,58**	**29,42**		
1	Đất trung tâm nghiên cứu, đào tạo	23,78	1,51	9	40
2	Đất cơ quan	5,21	0,33	5	60
3	Đất di tích	17,97	1,14		
4	Đất hạ tầng kỹ thuật	13,25	0,84		
4.1	*Đất công trình đầu mối HTKT hiện trạng (nhà máy cấp nước)*	*3,47*	*0,22*		

Stt	Chức năng đất	Diện tích	Tỷ lệ	Tầng cao tối đa	MĐXD gộp
		(ha)	(%)	(tầng)	(%)
4.2	*Đất hạ tầng kỹ thuật mới (đầu mối HTKT mới và taluy)*	*9,78*	*0,62*		
5	Đất dịch vụ thể thao (sân golf...)	67,64	4,30	1	5
6	Đất du lịch nghỉ dưỡng	36,75	2,34	3	25
7	Đất an ninh, quốc phòng	90,17	5,74		
8	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	9,38	0,60		
9	Đất cảng hàng không Điện Biên	184,77	11,75		
10	Đất giao thông đối ngoại	13,65	0,87		
10.1	*Đất đường giao thông (QL12)*	*12,13*	*0,77*		
10.2	*Đất giao thông tĩnh (bến xe)*	*1,52*	*0,10*		
III	**Đất khác dân dụng**	**398,43**	**25,34**		
1	Đất nông nghiệp	108,59	6,91		
2	Đất cây xanh, nông nghiệp đô thị, hành lang thoát lũ	27,96	1,78		
3	Đất đồi núi rừng sản xuất, rừng phòng hộ	107,06	6,81		
4	Đất đồi núi kết hợp du lịch	91,97	5,85		
5	Đất dự trữ phát triển	4,95	0,31%		
6	Mặt nước (ao hồ, kênh mương thủy lợi, sông Nậm Rốm, suối Nậm Đương)	57,90	3,68		

* Đối với chiều cao, tầng cao công trình: Được quy định trong quy hoạch phân khu và phải đảm bảo quy chuẩn tiêu chuẩn hiện hành, tuân thủ giới hạn chiều cao tĩnh không sân bay.

* Mật độ xây dựng quy định trong quy hoạch phân khu là mật độ xây dựng gộp. Mật độ xây dựng thuần được xác định trong quy hoạch chi tiết đối với từng lô đất, từng tính chất công trình và đảm bảo quy chuẩn tiêu chuẩn.

4. Thiết kế đô thị

4.1. Xác định các chỉ tiêu khống chế về khoảng lùi:

- Tầng cao xây dựng: Chiều cao, tầng cao xây dựng công trình từng ô đất được quy định theo bản vẽ quy hoạch sử dụng đất, thiết kế đô thị trên cơ sở tuân thủ các quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng và định hướng phát triển không gian cảnh quan chung. Ngoài ra chiều cao công trình phải đảm bảo giới hạn chiều cao tĩnh không sân bay.

- Khoảng lùi: Công trình xây dựng tuân thủ khoảng lùi tối thiểu được quy định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn và đảm bảo tính thống nhất trên toàn tuyến phố. Khoảng lùi cụ thể đối với từng tuyến phố, nút giao thông,... được quy định chi

tiết trong bản vẽ quy hoạch giao thông và chỉ giới đường đỏ và các bước lập quy hoạch chi tiết tiếp theo.

4.2. Cảnh quan đô thị khu vực trung tâm:

- Khu vực trung tâm được định hướng thuộc phân khu II, là khu vực xây dựng mới hoàn toàn dựa trên hệ thống cảnh quan tự nhiên và có sự kết nối chặt chẽ với khu cảnh quan bản làng, đồi núi và khu vực cây xanh ven sông Nậm Rốm.

- Mở trục công viên cây xanh kết nối trực tiếp từ đường Quốc lộ 12 với sông Nậm Rốm và thiết kế các công trình mang tính chất hỗn hợp, đa chức năng, khuyến khích thương mại dịch vụ, văn hóa bám trục này để tạo điểm tập trung cộng đồng.

4.3. Cảnh quan đô thị dọc các trục đường chính:

- Tôn trọng sự biến thiên đa dạng hình thái của đô thị, tuy nhiên kiểm soát bằng màu sắc được phép sử dụng, quy định về ban công; lô gia; mái che cho người đi bộ; chiều cao tối đa công trình.

- Cây xanh cảnh quan dọc tuyến đồng nhất, quy định kích thước đường kính thân cây tối thiểu, chủng loại cây, trồng các loại cây bụi ở dải phân cách, dưới chân gốc cây và ở các vị trí vỉa hè công trình khối tích lớn.

4.4. Các khu vực không gian mở:

- Mạng lưới không gian mở dạng dải hình thành từ các sông suối, hiện trạng, nâng cấp cải tạo, xây dựng công viên ven sông, đưa các hoạt động công cộng tiếp cận gần với mặt nước.

- Tại vị trí trung tâm các phân khu, mở không gian cây xanh dạng dải thành điểm cây xanh tập trung cho các hoạt động sân chơi, thể thao..

- Khu vực nông nghiệp đô thị tạo không gian mở thuộc phân khu II, xã Thanh Nưa, tổ chức các hoạt động trải nghiệm, điểm dịch vụ gắn với làng bản.

4.5. Các công trình điểm nhấn:

- Vị trí nút giao giữa đường QL12 và đường nối Thanh Minh - Độc Lập cần tạo dựng công trình công trình điểm nhấn là công trình hỗn hợp đa chức năng, hình thức kiến trúc hiện đại, có không gian quảng trường nhỏ cho các hoạt động thương mại, dễ dàng tiếp cận từ đường trục chính.

- Thiết kế các kè, đập dâng và cầu qua sông Nậm Rốm là một công trình điểm nhấn đô thị.

4.6. Hình khối, màu sắc, hình thức kiến trúc chủ đạo của các công trình:

Định hướng các thiết kế kiến trúc vừa hiện đại vừa mang bản sắc của địa phương, thân thiện với môi trường. Sử dụng các mảng, khối, đường nét rõ ràng, mang tính hình học. Sử dụng tối đa không quá 3 màu.

4.7. Hệ thống cây xanh đô thị:

- Lựa chọn các loại cây thường xanh, phù hợp với điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng của địa phương.

- Hạn chế sử dụng các loại cây có hoa, quả thu hút côn trùng và gây ô nhiễm đô thị.

5. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật

Hệ thống hạ tầng kỹ thuật đảm bảo đấu nối thống nhất với hạ tầng kỹ thuật các công trình, dự án liên kế trong khu vực, phù hợp với định hướng tổng thể phát triển chung của thành phố và huyện.

5.1. Quy hoạch hệ thống giao thông:

a) Giao thông đối ngoại: Tuyến Quốc lộ 12 - quy mô lộ giới 32 m chạy xuyên suốt trục Bắc Nam của khu vực quy hoạch; là trục giao thông đối ngoại kết nối phân khu phía Bắc, thành phố Điện Biên Phủ với huyện Mường Chà và huyện Điện Biên.

b) Giao thông đối nội:

- Tuyến đường trục chính đô thị: Tuyến Quốc lộ 12 đoạn qua khu vực quy hoạch có quy mô mặt cắt ngang 32m vừa đóng vai trò là tuyến đường giao thông đối ngoại, vừa là trục giao thông chính đô thị.

- Tuyến đường liên khu vực: có quy mô mặt cắt ngang 21,0÷32,0m; là các tuyến đường kết nối các phân khu đô thị và kết nối với đường trục chính đô thị.

- Đường khu vực: đường khu vực có quy mô mặt cắt ngang từ 17,0÷26m; là các tuyến đường liên kết các khu chức năng trong các phân khu và kết nối với đường liên khu vực và đường trục chính đô thị; tạo thành hệ thống giao thông hoàn chỉnh của toàn khu vực.

c) Đầu mối giao thông, giao thông tĩnh:

- Bãi đỗ xe: Được thiết kế bố trí phân tán theo từng phân khu và các khu chức năng chính, gần các điểm tập trung hoạt động, dân cư đông đúc đảm bảo bán kính phục vụ.

- Bến xe đối ngoại: Tổ chức bến xe loại 1, quy mô khoảng 1,5ha tại phân khu 2 trên trục đường Quốc lộ 12 phục vụ vận tải liên vùng, liên đô thị.

- Cảng hàng không Điện Biên: Quy mô cảng hàng không 3C, công suất quy hoạch 2,0 triệu khách/năm, dự kiến phát triển công suất lên 5,0 triệu hành khách trong tương lai.

5.2. Quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật:

a) Quy hoạch san nền:

- Tận dụng tối đa địa hình tự nhiên, tạo sự hài hòa giữa các khu vực chức năng; đảm bảo thoát nước hợp lý dựa trên nguyên tắc tự chảy; khớp nối với hạ tầng kỹ thuật các công trình, dự án liền kề trong khu vực.

- Tuân thủ theo đúng các quy định. Cao độ nền khống chế xây dựng Hxd ≥ 477,5m. Kết hợp hài hoà giữa khu cũ, khu mới để đảm bảo thoát nước tự chảy. Tại các ngã ba, ngã tư được thiết kế cao độ hợp lý, hướng dốc nền về phía các trục đường giao thông và độ dốc ≥ 0,4%.

- Ngoài ra, tại khu vực dân cư hiện trạng, cao độ nền thấp hơn 477,5m, khi xây dựng nhà kiên cố cần phải xây dựng Hxd ≥ 477,5m và ở các khu vực dân cư khác cao độ nền cao Hxd ≥ 477,5m, chỉ cần san gạt cục bộ và tạo mặt phẳng để thoát nước tốt.

b) Thoát nước mưa:

- Hệ thống thoát nước mưa được thiết kế là hệ thống thoát nước riêng. Đầu tư xây dựng hệ thống cống có khẩu độ 1.2x1.2m đến 2.0x2.0m. Toàn bộ lưu lượng của khu vực nghiên cứu thoát chủ yếu ra sông Nậm Rốm.

- Khu vực được chia làm 6 lưu vực thoát nước chính phù hợp với quy hoạch tiêu thủy lợi trong vùng như sau:

+ Lưu vực số 01: Nằm phía Tây Bắc sông Nậm Rốm, có diện tích khoảng 257,1ha.

+ Lưu vực số 02: Nằm Phía Bắc nằm phía Tây Nam đường Quốc lộ 12 có diện tích khoảng 206,3ha.

+ Lưu vực số 03: Nằm phía Đông đường Quốc lộ 12 có diện tích khoảng 161,3ha.

+ Lưu vực số 04: Nằm phía Đông suối Nậm Đương có diện tích khoảng 147,2ha.

+ Lưu vực số 05: Gồm một phần xã Thanh Minh, thoát nước về phía Nam sông Nậm Rốm có diện tích khoảng 357,9ha.

+ Lưu vực số 06: Toàn bộ lưu vực phía Nam, gồm một phần phường Thanh Trường, phường Him Lam, thoát nước về sông Nậm Rốm có diện tích khoảng 442,2 ha.

5.3. Quy hoạch hệ thống cấp nước:

- Đấu nối tuyến ống cấp nước khu vực; tổng công suất tiêu thụ toàn khu quy hoạch khoảng 16.000 m3/ngđ.

- Mạng lưới đường ống: Mạng lưới đường ống cấp nước sử dụng mạng vòng kết hợp mạng nhánh, đảm bảo cấp nước một cách an toàn, hiệu quả; đường ống cấp nước phân khu sử dụng các loại đường kính D100÷D600 mm

- Cấp nước chữa cháy: Trên các tuyến ống ≥ D100mm, dọc theo các đường phố bố trí các họng lấy nước chữa cháy đảm bảo khoảng cách yêu cầu theo quy định hiện hành.

5.4. Quy hoạch hệ thống nước thải và vệ sinh môi trường:

- Nước thải sinh hoạt: Quy hoạch dùng hệ thống thoát nước thải riêng; tổng lưu lượng nước thải phát sinh khoảng 10.000 m3/ngày.đêm; nước thải được xử lý cục bộ tại công trình sau đó đưa về trạm xử lý rồi thoát ra sông Nậm Rốm.

- Nước thải các khu sản xuất, kinh doanh được thu gom, xử lý tại khu vực đảm bảo các yêu cầu về môi trường trước khi thoát ra hệ thống thoát nước khu vực.

- Rác thải hàng ngày được thu gom về nơi tập trung theo quy định, sau đó được phân loại và đưa đến khu xử lý chung; quy hoạch các điểm trung chuyển chất thải rắn bố trí hợp lý đảm bảo cảnh quan môi trường và bán kính hoạt động.

5.5. Quy hoạch hệ thống cấp điện:

- Nguồn điện ngắn hạn: Được lấy từ trạm 110/35/22KV Điện Biên công suất 2x25 MVA thông qua các tuyến trung thế 35kV và 22kV hiện hữu chạy qua khu vực.

- Nguồn điện dài hạn: Dự kiến lấy từ lưới điện 22kV tại trạm điện 110kV. Việc cấp nguồn điện sẽ tuân thủ theo phân kỳ đầu tư của quy hoạch chi tiết từng khu vực và quy hoạch ngành điện.

- Tổng công suất tiêu thụ điện khoảng 80MVA; cải tạo, nâng cấp các trạm biến áp cũ, lắp đặt các trạm biến áp mới đảm bảo phục vụ.

- Cải tạo nâng cấp hệ thống lưới điện trung thế; khu vực dân cư hiện hữu cải tạo hạ ngầm từng tuyến, cải tạo tiết diện các tuyến không đảm bảo.

- Cải tạo và xây mới hoàn chỉnh hệ thống chiếu sáng đô thị; Toàn bộ hệ thống đường giao thông, công viên cây xanh trong khu vực được bố trí chiếu sáng.

6. Tổng hợp kinh phí, giai đoạn đầu tư và nguồn vốn thực hiện

6.1. Khái toán kinh phí:

Tổng kinh phí đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật 3.280 tỷ đồng.

a) Giai đoạn 2021-2025: Đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội thiết yếu nhằm tạo điều kiện thu hút đầu tư, phát triển đô thị.

- Về hạ tầng kỹ thuật: Dự kiến hoàn thiện bổ sung tuyến trục chính đô thị, xây dựng các tuyến đường liên khu vực và đường khu vực để tạo điều kiện phát triển đô thị và định hình các khu chức năng theo quy hoạch. Hoàn thiện và đồng bộ hệ thống cấp điện, cấp nước, thoát nước dọc theo các trục đường kết nối các khu chức năng. Hoàn thành các dự án kè sông Nậm Rốm, cải tạo lòng sông, tạo tiền đề để hoàn chỉnh trục cảnh quan chủ đạo của trung tâm thành phố trong giai đoạn tiếp theo.

- Về hạ tầng xã hội: Dự kiến đầu tư các công trình công cộng đơn vị ở gồm các công trình văn hóa, giáo dục, thể thao, chợ, trung tâm thương mại dịch vụ, công viên cây xanh nhằm hình thành các khu dân cư tập trung. Thu hút đầu tư các dự án phát triển các khu đô thị mới, khu chức năng đặc thù để đáp ứng nhu cầu của người dân và tạo bộ mặt đô thị, trong đó ưu tiên các nhu cầu di dân và dãn dân tại chỗ, phát triển nhà ở xã hội làm cơ sở đáp ứng quỹ nhà ở thành

phố trong các dự án phát triển đô thị khác. Tiếp tục quản lý cải tạo chỉnh trang các khu di tích lịch sử, tâm linh, bản văn hóa dân tộc. Kêu gọi thu hút đầu xây dựng mới các khu dịch vụ du lịch, dịch vụ thể thao, khu vui chơi giải trí theo định hướng của quy hoạch.

b) Giai đoạn sau năm 2025: Thu hút đầu tư xây dựng và từng bước hoàn thiện các công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội còn lại.

6.2. Nguồn vốn thực hiện:

- Nguồn vốn đầu tư từ Ngân sách trung ương cho các công trình hạ tầng trọng điểm.

- Phát huy tối đa nội lực của địa phương, khuyến khích nguồn vốn đầu tư từ nhiều thành phần kinh tế, đẩy mạnh xã hội hóa trong các lĩnh vực y tế, giáo dục, văn hóa thể thao...

- Huy động nguồn lực từ các doanh nghiệp đầu tư trực tiếp vào các dự án, các lĩnh vực phát triển đô thị, thương mại dịch vụ và du lịch.

- Khai thác hiệu quả hệ thống hạ tầng đô thị hiện hữu, quỹ đất, tài nguyên khác để tạo nguồn vốn xây dựng hạ tầng.

- Xây dựng cơ chế, chính sách, môi trường đầu tư hấp dẫn và phù hợp với đặc thù của địa phương nhằm thu thút, khuyến khích các thành phần kinh tế cùng tham gia vào quá trình xây dựng phát triển thành phố theo định hướng quy hoạch.

7. Quy định quản lý đầu tư xây dựng theo đồ án quy hoạch

- Việc quản lý quy hoạch đô thị, quản lý đất đai, đầu tư xây dựng công trình tuân thủ quy hoạch và "Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/5.000 Khu vực phía Bắc thành phố Điện Biên Phủ gắn với quy hoạch Cảng hàng không Điện Biên" được ban hành kèm theo đồ án quy hoạch này, ngoài ra còn phải tuân thủ quy định theo pháp luật và các quy định hiện hành, tiêu chuẩn, quy chuẩn xây dựng Việt Nam.

- Việc điều chỉnh, thay đổi, bổ sung quy hoạch phải được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

1. Sở Xây dựng chủ trì phối hợp với UBND thành phố Điện Biên Phủ, UBND huyện Điện Biên và các cơ quan liên quan tổ chức cập nhật, tích hợp nội dung đồ án này vào đồ án Quy hoạch cấp trên và quy hoạch cấp tương đương để công bố và quản lý quy hoạch; thực hiện các công việc, nhiệm vụ về về cắm mốc giới và quản lý mốc giới đảm bảo tuân thủ đúng các quy định của pháp luật.

2. UBND thành phố Điện Biên Phủ, UBND huyện Điện Biên (theo địa giới hành chính của địa phương mình) có trách nhiệm: Phối hợp với Sở Xây dựng và các ngành, đơn vị liên quan tổ chức công bố Quy hoạch; tổ chức quản lý đất đai, đầu tư, đầu tư xây dựng, môi trường ... theo đúng quy hoạch và quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Xây dựng; Chủ tịch UBND thành phố Điện Biên Phủ; Chủ tịch UBND huyện Điện Biên; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh và các tổ chức, cá nhân có quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- TT Tỉnh ủy (b/c);
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Lưu VT, TH.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Lê Thành Đô